

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19-01-2021

Về tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Kim Thành

Bà Nguyễn Thị Kim Anh

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Kiên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Vũ Ngọc Thư - Kiểm sát viên.

Vào ngày 19-01-2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 545/2020/TLST-HNGĐ ngày 02-11-2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31-12-2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1981; số căn cước công dân: 036181007661; đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã T, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Xã T, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn D1, sinh năm 1974; số chứng minh nhân dân: 162982064; đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường Q, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định; hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: Đội 30 phân trại 2, Trại giam Thanh Cẩm; địa chỉ: Xã X, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện nộp ngày 02-11-2020 và bản tự khai ngày 09-11-2020, bản tự khai ngày 11-01-2021, nguyên đơn là chị Trần Thị D trình bày:

Chị và anh Trần Văn D1 có thời gian tìm hiểu nhau trước, sau đó đã tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện vào đầu năm 1999. Hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Phong, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định vào ngày 19-01-1999.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh Trần Văn D1 tại địa chỉ: Đường Q, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2004 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do tính cách không hợp nhau, hai bên không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhiều lần, gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhưng vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn. Từ năm 2004 vợ chồng đã sống ly thân, chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ thời gian đó cho đến nay. Hiện tại, chị Trần Thị D xác định tình cảm giữa chị và anh Trần Văn D1 không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn D1 có 01 con chung là con gái, tên là Trần Thị Thu H, sinh ngày 06-8-1999. Hiện con chung đã trưởng thành và sống tự lập.

Tài sản chung và nghĩa vụ của vợ chồng: Chị Trần Thị D trình bày không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 24-12-2020, bị đơn là anh Trần Văn D1 trình bày:

Anh và chị Trần Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 1999. Hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Phong, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định vào ngày 19-01-1999.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: Đường Q, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận được khoảng 4 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng không hòa hợp về tình cảm. Từ năm 2003 vợ chồng đã sống ly thân, từ đó cho đến nay hai bên không liên lạc gì với nhau. Hiện tại, anh Trần Văn D1 đồng ý ly hôn với chị Trần Thị D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là con gái, tên là Trần Thị Thu H, sinh ngày 06-8-1999. Hiện con chung đã trưởng thành và sống tự lập.

Về tài sản chung và nghĩa vụ của vợ chồng: Anh Trần Văn D1 trình bày không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Giai đoạn chuẩn bị xét xử và phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

- Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị D và anh Trần Văn D1.

- Buộc chị Trần Thị D phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về tranh chấp được giải quyết trong vụ án:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Trần Văn D1, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Bị đơn là anh Trần Văn D1 không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là ly hôn.

1.2. Về sự có mặt của các đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn là chị Trần Thị D và bị đơn là anh Trần Văn D1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử sẽ xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị D và anh Trần Văn D1 có thời gian tìm hiểu nhau trước, sau đó đã tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện vào đầu năm 1999. Hai bên có đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Phong, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định vào ngày 19-01-1999. Như vậy hôn nhân giữa chị D và anh D1 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị D và anh D1 chung sống cùng với gia đình anh D1 tại địa chỉ: Đường Q, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến khoảng năm 2003 thì bắt đầu có mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách hai bên không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Mặc dù vợ chồng đã tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả, vì vậy hai bên đã sống ly thân, không liên lạc gì với nhau kể từ năm 2004 cho đến nay. Hiện tại cả chị D và anh D1 đều yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh D1 ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không còn trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử sẽ áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử lý hôn giữa chị Trần Thị D và anh Trần Văn D1.

2.2. Về con chung:

Chị Trần Thị D và anh Trần Văn D1 có 01 con chung là con gái, tên là Trần Thị Thu H, sinh ngày 06-8-1999. Hiện con chung đã trưởng thành và sống tự lập nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng:

Chị Trần Thị D và anh Trần Văn D1 đều xác định không có tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV thì án phí trong vụ án sẽ được quyết định như sau:

Chị Trần Thị D là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị D đã nộp khi khởi kiện sẽ được khấu trừ vào án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị D và anh Trần Văn D1.

2. Án phí:

Chị Trần Thị D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn chị Trần Thị D đã nộp tại biên lai số 0003319 ngày 02-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định. Chị Trần Thị D đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị D và anh Trần Văn D1 có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND xã Nam Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Tuấn